TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ - ST
Ngày 17/4/2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Duy Quyến
2. Bà Cao Thị Hưng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 216/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2023, về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986
Nơi thường trú: Thôn DT, xã PL, huyện ĐH, tỉnh TB.
Chỗ ở hiện nay: Thôn DG, xã PL, huyện ĐH, tỉnh TB
- **Bị đơn:** Anh Phạm Xuân Q, sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn DT, xã PL, huyện ĐH, tỉnh TB

(Tại phiên tòa có mặt anh Q, vắng mặt chị T. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Xuân Q kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 05/12/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không tôn trọng nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh Phạm Xuân Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 03 con chung là Phạm Xuân B, sinh ngày 30/7/2006; Phạm Xuân H, sinh ngày 12/02/2012; Phạm Ngọc Tâm A, sinh ngày 06/3/2020. Ly hôn, chị xin nuôi con Phạm Ngọc Tâm A để anh Q nuôi con Phạm Xuân B và Phạm Xuân H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Hiện chị là công nhân công ty may Ken Rích ở khu công nghiệp xã Đông La, huyện Hưng, thu nhập bình quân 6.000.000 đồng/tháng. Hiện anh Q đang nuôi con Phạm Xuân B, Phạm Xuân H; chị đang nuôi con Phạm Ngọc Tâm A.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Xuân Q là bị đơn trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 05/12/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn nhưng mâu thuẫn nhỏ thì có. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, do kinh tế khó khăn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì muốn các con được ở cùng với cả bố và mẹ.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung là Phạm Xuân B, sinh ngày 30/7/2006; Phạm Xuân H, sinh ngày 12/02/2012; Phạm Ngọc Tâm A, sinh ngày 06/3/2020. Ly hôn, anh xin nuôi con Phạm Xuân B, Phạm Xuân H để chị T nuôi con Phạm Ngọc Tâm A. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Hiện anh là lao động tự do thu nhập bình quân từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Phạm Xuân Q đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T: Xử cho chị T được ly hôn anh Phạm Xuân Q. Về con chung: Đề nghị xử giao con Phạm Ngọc Tâm A, sinh ngày 06/3/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Phạm Xuân B, sinh ngày 30/7/2006 và Phạm Xuân H, sinh ngày 12/02/2012 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Về tài sản chung, chị T và anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị T và anh Q. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ

sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Xuân Q có nơi thường trú tại xã PL, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh Q do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 05/12/2005 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không tôn trọng nhau. Chị T xin ly hôn, anh Q không đồng ý ly hôn. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện ĐH, tỉnh TB thì quá trình chung sống chị T và anh Q có mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không tôn trọng nhau. Chị T xin ly hôn anh Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xử cho chị T được ly hôn anh Q là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Q có 03 con chung là Phạm Xuân B, sinh ngày 30/7/2006; Phạm Xuân H, sinh ngày 12/02/2012; Phạm Ngọc Tâm A, sinh ngày 06/3/2020. Ly hôn, chị T và anh Q thỏa thuận chị T được nuôi con Phạm Ngọc Tâm A, sinh ngày 06/3/2020; anh Q được nuôi con Phạm Xuân B, sinh ngày 30/7/2006 và Phạm Xuân H, sinh ngày 12/02/2012. Xét thấy, chị T hiện đang nuôi con Phạm Ngọc Tâm A; anh Q đang nuôi con Phạm Xuân B, Phạm Xuân H. Con Bảo và con Hưng có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy, cần giao con Phạm Ngọc Tâm A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Phạm Xuân B, Phạm Xuân H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị T, anh Q không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau là do tự nguyện nên cần chấp nhận. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T, anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị T và anh Q .

[3]Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị T, anh Q có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Xuân Q.

2. Về con chung: Xử giao con chung Phạm Ngọc Tâm A, sinh ngày 06/3/2020 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Phạm Xuân B, sinh ngày 30/7/2006 và Phạm Xuân H, sinh ngày 12/02/2012 cho anh Phạm Xuân Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T và anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003073 ngày 14/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Phạm Thị Lan Phương

Nơinhận:
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự, UBND xã PL;
- Lưu.